

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày 05-3-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Việt Hùng;

2. Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST-TCDS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1957. Địa chỉ: Xóm ĐC, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định (vắng mặt có lý do).

- Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc N, sinh năm 1975 và chị Đỗ Thị L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Xóm TP, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định (vắng mặt không lý do).

- Người làm chứng: ông Đoàn Ngọc L; sinh năm 1946; địa chỉ: xóm TP, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Th trình bày:

Bà Phạm Thị Th và vợ chồng anh Đoàn Ngọc N, chị Đỗ Thị L là người cùng xã quen biết nhau. Vợ chồng anh N có buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc và làm trang trại chăn nuôi, vì cần vốn để kinh doanh nên vợ chồng anh N đã đến hỏi vay tiền bà Th. Do tích góp được một số tiền nhưng chưa dùng đến nên đã nhất trí cho vợ chồng anh N, chị L vay. Ngày 30 tháng 5 năm 2018 (âm lịch) bà Th đã đưa số tiền là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) sang nhà anh N, chị L để cho vay. Hai bên đã viết giấy biên nhận vay tiền, không thoả Thận thời hạn trả nợ cụ thể là ngày nào, chỉ thoả Thận khi nào bà Th cần lấy tiền, sẽ báo trước cho vợ chồng anh N, chị L trước 10, về lãi suất hai bên không viết thoả Thận trong giấy biên nhận mà thoả Thận miệng là 16%/năm. Sau khi vay tiền vợ chồng anh N, chị L đã thanh toán trả tiền lãi cho bà Th đến hết tháng 9-2018 mỗi tháng 12.800.000đ (mười hai triệu tám trăm nghìn đồng). Đến khi cần tiền để giải quyết công việc, bà Th đã báo cho vợ chồng anh N, chị L để lấy tiền thì anh N chị L tuyên bố vỡ nợ và không trả tiền gốc và lãi cho bà Th. Bà Th đã đòi nhiều lần nhưng anh N, chị L cứ khất lần sau đó anh N, chị L đi làm ăn, bà Th Không gặp được nữa. Bà Th có đến gặp ông Đoàn Ngọc L là bố đẻ anh N, ông L có viết giấy hứa nếu vợ chồng anh N bán nhà sẽ bảo đảm trả cho bà Th 400.000.000đ. Tuy nhiên đến nay vợ chồng anh N vẫn không có động thái gì để trả nợ nên bà Th khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu buộc vợ chồng anh N, chị L phải thanh toán trả bà số tiền gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), bà Th không yêu cầu trả lãi.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã nhiều lần triệu tập vợ chồng anh N, chị L đến nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N, chị L đều vắng mặt. Ông Đoàn Ngọc L là bố đẻ của anh N đã thông báo cho bị đơn là vợ chồng anh N, chị L biết các văn bản do nguyên đơn và Tòa án tổng đạt, nhưng đến nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Người làm chứng Ông Đoàn Văn L là bố đẻ anh N cho biết: ông đã nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho vợ chồng anh N, chị L và đã thông báo cho bị đơn biết việc bà Th đang có đơn và các giấy tờ kiện đòi nợ đối với vợ chồng

anh N, chị L và vợ chồng anh N, chị L đã được biết, ông L công nhận bà Th có đến nhà vợ chồng anh N, chị L đòi nợ số tiền 800.000.000đ do hoàn cảnh vợ chồng anh N còn khó khăn nên chị L và anh N đã khát nợ bà Th và ông cũng khát nợ cho các con ông và viết vào giấy biên nhận nợ là đúng. Do hiện nay vợ chồng anh N, chị L đi làm ăn xa và hoàn cảnh khó khăn xin khát nợ bà Th.

Tại phiên tòa, bà Th xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và bản tự khai; anh N, chị L, ông L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự, bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đoàn Ngọc N và chị Đỗ Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà Th, anh N và chị L theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Th khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, cụ thể là đòi nợ số tiền đã cho anh Đoàn Ngọc N và chị Đỗ Thị L cùng cư trú tại xóm Trần Phú, xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời khai của đương sự; giấy biên nhận gốc ghi ngày 30/5/2018 (âm lịch) vợ chồng anh N, chị L có vay của bà Th số tiền 800.000.000đ và tại phần người vay có chữ ký nhận nợ là của anh N, chị L, phần người cho vay có chữ ký của bà Phạm Thị Th. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Việc vợ chồng anh N, chị L vay bà Th số tiền nợ gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) của bà Th là sự việc có thật.

Quá trình xác lập, thực hiện giao dịch, các bên không thỏa Thận thời hạn thanh toán nên theo quy định của pháp luật bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay phải trả nợ bất cứ lúc nào. Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà Th đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh N, chị L phải trả số tiền vay gốc là

800.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Vợ chồng anh N, chị L vắng mặt không thể hiện quan điểm về việc bà Th khởi kiện đòi nợ, quá trình giải quyết vụ án không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì khác nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Th là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất: Tại giấy biên nhận do bà Th giao nộp không ghi thỏa Thận về lãi. Đến nay, bà Th không yêu cầu tính lãi nên về vấn đề lãi suất, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà Phạm Thị Th được chấp nhận toàn bộ nên buộc vợ chồng anh Đoàn Ngọc N, chị Đỗ Thị L chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Th kiện đòi nợ số tiền 800.000.000đ đối với vợ chồng anh Đoàn Ngọc N, chị Đỗ Thị L là hợp pháp.

2. Buộc vợ chồng anh Đoàn Ngọc N, chị Đỗ Thị L phải thanh toán trả nợ cho bà Phạm Thị Th số tiền nợ gốc là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

3. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Vợ chồng anh Đoàn Ngọc N, chị Đỗ Thị L phải nộp 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã HĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng